

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-KGVX

An Giang, ngày tháng 8 năm 2026

V/v tập trung đẩy nhanh tiến độ
thực hiện chỉ tiêu Sổ sức khỏe
điện tử trên ứng dụng VNeID

Kính gửi:

- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Việc triển khai Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện Đề án 06, chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính và từng bước hình thành hồ sơ sức khỏe điện tử của mỗi công dân. Tuy nhiên, qua theo dõi kết quả thực hiện, đến nay tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu tiến độ của Chiến dịch tại Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và mục tiêu Đề án 06 của Chính phủ.

Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu của Kế hoạch số 300/KH-UBND, đồng thời phát huy hiệu quả ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử trong khám bệnh, chữa bệnh và phục vụ chuyển đổi số ngành y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm các nội dung sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

a) Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện chỉ tiêu bao phủ Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID trên địa bàn quản lý; xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, từng địa bàn dân cư theo hướng “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả”; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

b) Huy động sự tham gia của Công an cấp xã, Trạm Y tế, các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ công nghệ số cộng đồng, lực lượng đoàn viên, thanh niên, tổ dân phố, ấp, khóm... thực hiện phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người” nhằm tổ chức đồng bộ hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt, kích hoạt và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID.

c) Chỉ đạo tổ chức rà soát từng địa bàn dân cư, lập danh sách các trường hợp chưa có Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID; triển khai các tổ công tác đến từng hộ gia đình để hướng dẫn cài đặt ứng dụng VNeID, tích hợp thẻ bảo hiểm y tế, tạo lập và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử; hỗ trợ kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử mức 2 đối với các trường hợp đủ điều kiện; hỗ trợ xử lý các

trường hợp chưa tích hợp được thẻ Bảo hiểm y tế hoặc phát sinh sai lệch thông tin; ưu tiên hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, người không thành thạo công nghệ thông tin và các đối tượng yếu thế.

d) Thường xuyên theo dõi tiến độ thực hiện; định kỳ hằng tuần tổ chức đánh giá kết quả, phân tích nguyên nhân đối với các địa bàn có tỷ lệ thấp; kịp thời chỉ đạo khắc phục, không để tình trạng giao nhiệm vụ nhưng không kiểm tra, đôn đốc thực hiện.

c) Phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu được giao tại Kế hoạch số 300/KH-UBND; xem kết quả triển khai Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu địa phương trong thực hiện Đề án 06 và chuyển đổi số năm 2026.

(kèm Phụ lục thống kê kết quả tích hợp thông tin bảo hiểm y tế)

2. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Chiến dịch tại các cơ sở khám chữa bệnh.

b) Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục duy trì việc tiếp nhận người bệnh bằng căn cước/căn cước công dân, Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID; bảo đảm liên thông đầy đủ dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh theo quy định. Bố trí riêng bộ phận thực hiện việc cài đặt ứng dụng VNeID trên điện thoại thông minh cho người dân khi đến khám chữa bệnh; hướng dẫn tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế trên ứng dụng VNeID; hướng dẫn người dân sử dụng Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID.

c) Chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ phân tích nguyên nhân các địa phương, cơ sở khám chữa bệnh có tỷ lệ sử dụng Sổ sức khỏe điện tử thấp; kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo.

3. Công an tỉnh

Tiếp tục chỉ đạo Công an cấp xã phối hợp chặt chẽ với Tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ nhân dân tự quản ấp, khu phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tuyên truyền, vận động công dân trên địa bàn đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức 2 (qua ứng dụng VNeID); cấp tài khoản định danh điện tử (VNeID mức 2) cho toàn bộ người dân trên địa bàn; hướng dẫn công dân cài đặt ứng dụng VNeID; tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế trên ứng dụng VNeID; phối hợp rà soát, xử lý các trường hợp sai lệch dữ liệu thẻ Bảo hiểm y tế với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với ngành Y tế và chính quyền địa phương đẩy nhanh việc đồng bộ, xác thực dữ liệu bảo hiểm y tế; kịp thời xử lý các trường hợp chưa tích hợp hoặc tích hợp không thành công thông tin thẻ bảo hiểm y tế trên ứng dụng VNeID. Đẩy nhanh việc chuyển dữ liệu khám, chữa bệnh

BHYT trên Hệ thống thông tin giám định BHYT qua Hệ thống dữ liệu dân cư, để dữ liệu khám chữa bệnh BHYT, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại,... hiển thị trên sổ sức khỏe điện tử của người dân theo thời gian thực phục vụ việc khám chữa bệnh của người dân.

5. Các sở, ban, ngành tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tăng cường công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân tích cực tham gia cài đặt, sử dụng ứng dụng VNeID và Sổ sức khỏe điện tử.

6. Chế độ báo cáo

Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Công văn số 3298/CAT-QLHC ngày 27/6/2026 của Công an tỉnh về việc phối hợp thực hiện chế độ thông tin báo cáo và họp định kỳ hằng tuần của Tổ công tác triển khai chiến dịch, để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời báo cáo ngay những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền để được xem xét, chỉ đạo giải quyết.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu khẩn trương, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
- Bí thư các xã, phường đặc khu;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, vttrung.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

PHỤ LỤC
THỐNG KÊ KẾT QUẢ TÍCH HỢP THÔNG TIN BẢO HIỂM Y TẾ
ĐỐI VỚI CÔNG DÂN TỪ ĐỦ 14 TUỔI TRỞ LÊN

Tính đến ngày 03/8/2026

(kèm theo Công văn số /UBND-KGVX ngày /8/2026)

STT	Tên Phường xã	Tổng số công dân	Tổng số đã tích hợp	Tỷ lệ tích hợp	Còn lại	Kết quả thực hiện so với tuần trước
1	Xã Tiên Hải	1,485	979	65.93%	506	41
2	Xã Sơn Hải	2,004	1,007	50.25%	997	31
3	Đặc khu Kiên Hải	18,019	8,651	48.01%	9,368	86
4	Phường Bình Đức	60,408	27,720	45.89%	32,688	70
5	Xã Phú Lâm	27,746	12,143	43.76%	15,603	232
6	Xã Tân Hội	40,192	17,461	43.44%	22,731	89
7	Xã Châu Phú	49,115	21,282	43.33%	27,833	1,637
8	Phường Hà Tiên	30,291	12,982	42.86%	17,309	185
9	Xã Hòn Nghệ	1,888	806	42.69%	1,082	-7
10	Xã Thạnh Mỹ Tây	52,643	21,922	41.64%	30,721	186
11	Phường Long Xuyên	128,813	53,563	41.58%	75,250	155
12	Xã Phú An	32,806	13,621	41.52%	19,185	411
13	Xã Bình Thạnh Đông	41,773	17,301	41.42%	24,472	56
14	Xã An Biên	43,457	17,891	41.17%	25,566	1,839
15	Xã Hòa Lạc	25,458	10,458	41.08%	15,000	322
16	Xã Thạnh Lộc	49,068	20,130	41.02%	28,938	181
17	Xã U Minh Thượng	37,046	15,153	40.90%	21,893	175
18	Xã Phú Tân	58,393	23,467	40.19%	34,926	-24
19	Xã Bình Mỹ	56,544	22,591	39.95%	33,953	9
20	Xã Mỹ Hòa Hưng	22,974	9,178	39.95%	13,796	44
21	Xã Vĩnh Hòa	42,302	16,789	39.69%	25,513	255
22	Xã An Minh	28,653	11,288	39.40%	17,365	75
23	Xã Bình Sơn	15,001	5,907	39.38%	9,094	55
24	Xã Thạnh Đông	43,455	16,963	39.04%	26,492	386
25	Phường Tân Châu	27,120	10,578	39.00%	16,542	16
26	Xã Sơn Kiên	24,330	9,401	38.64%	14,929	836
27	Xã Chợ Vàm	40,427	15,318	37.89%	25,109	88
28	Xã Núi Cấm	20,053	7,385	36.83%	12,668	233
29	Xã Kiên Lương	46,400	17,057	36.76%	29,343	-4
30	Xã Mỹ Đức	50,428	18,336	36.36%	32,092	1,250
31	Xã Cù Lao Giêng	58,546	21,129	36.09%	37,417	1,194
32	Xã Tân Thạnh	29,248	10,468	35.79%	18,780	1,330
33	Xã Vĩnh Tuy	30,409	10,860	35.71%	19,549	60
34	Xã Châu Thành	57,268	20,438	35.69%	36,830	46
35	Xã Ba Chúc	25,888	9,152	35.35%	16,736	364
36	Xã Vĩnh Thạnh Trung	53,147	18,786	35.35%	34,361	136
37	Xã Bình Giang	14,434	5,030	34.85%	9,404	6
38	Xã Nhơn Mỹ	74,254	25,803	34.75%	48,451	135
39	Đặc khu Thổ Châu	1,276	441	34.56%	835	-8

40	Xã An Châu	52,579	18,008	34.25%	34,571	83
41	Đặc khu Phú Quốc	100,146	34,086	34.04%	66,060	63
42	Xã Càn Đăng	28,768	9,780	34.00%	18,988	825
43	Phường Thới Sơn	26,533	9,000	33.92%	17,533	40
44	Xã Đông Hòa	36,516	12,336	33.78%	24,180	775
45	Xã Chợ Mới	65,866	22,234	33.76%	43,632	68
46	Xã Đông Thái	43,614	14,719	33.75%	28,895	305
47	Xã Vĩnh An	26,711	8,991	33.66%	17,720	103
48	Phường Tô Châu	20,167	6,784	33.64%	13,383	-69
49	Phường Vĩnh Thông	44,962	15,025	33.42%	29,937	511
50	Xã Tân Hiệp	53,838	17,969	33.38%	35,869	4
51	Phường Mỹ Thới	51,318	17,030	33.19%	34,288	33
52	Xã Hòn Đất	48,716	16,141	33.13%	32,575	8
53	Xã Châu Phong	46,541	15,395	33.08%	31,146	542
54	Xã Bình Hòa	46,912	15,477	32.99%	31,435	44
55	Phường Tịnh Biên	28,629	9,364	32.71%	19,265	-181
56	Phường Long Phú	39,332	12,766	32.46%	26,566	27
57	Xã Giồng Riềng	57,219	18,463	32.27%	38,756	720
58	Xã Vĩnh Gia	16,476	5,298	32.16%	11,178	35
59	Xã Vĩnh Hanh	23,991	7,652	31.90%	16,339	29
60	Xã Hòa Điền	19,528	6,214	31.82%	13,314	23
61	Xã Định Hòa	46,968	14,928	31.78%	32,040	837
62	Xã Hội An	62,095	19,716	31.75%	42,379	100
63	Xã Thoại Sơn	42,983	13,544	31.51%	29,439	54
64	Phường Rạch Giá	198,166	62,408	31.49%	135,758	1
65	Xã Bình An	48,359	15,144	31.32%	33,215	178
66	Xã Vĩnh Phong	35,057	10,808	30.83%	24,249	-24
67	Xã Vĩnh Xương	33,906	10,445	30.81%	23,461	7
68	Xã Vĩnh Điều	13,924	4,276	30.71%	9,648	-49
69	Xã Mỹ Thuận	48,753	14,945	30.65%	33,808	33
70	Xã Vĩnh Thuận	25,030	7,628	30.48%	17,402	45
71	Xã Thạnh Hưng	38,604	11,683	30.26%	26,921	566
72	Xã Phú Hòa	33,393	102,077	30.18%	23,316	269
73	Xã Vĩnh Bình	35,850	10,810	30.15%	25,040	69
74	Xã Đông Hưng	18,082	5,433	30.05%	12,649	676
75	Xã Tây Phú	18,653	5,604	30.04%	13,049	145
76	Xã Tân An	34,806	10,436	29.98%	24,370	13
77	Phường Châu Đốc	80,200	23,665	29.51%	56,535	607
78	Xã Tây Yên	42,953	12,413	28.90%	30,540	-1
79	Xã Phú Hữu	34,586	9,948	28.76%	24,638	25
80	Xã Vĩnh Hậu	49,825	14,034	28.17%	35,791	66
81	Phường Chi Lăng	22,943	6,456	28.14%	16,487	28
82	Xã Long Điền	54,332	15,039	27.68%	39,293	51
83	Xã Long Thạnh	34,526	9,423	27.29%	25,103	55
84	Xã Vĩnh Trạch	26,468	7,221	27.28%	19,247	114
85	Xã Long Kiên	47,464	12,923	27.23%	34,541	67
86	Xã An Cư	31,403	8,536	27.18%	22,867	307
87	Xã Ốc Eo	32,732	8,864	27.08%	23,868	675
88	Xã Vân Khánh	17,389	4,693	26.99%	12,696	5

89	Xã An Phú	40,988	11,048	26.95%	29,940	40
90	Xã Nhơn Hội	44,757	12,043	26.91%	32,714	794
91	Xã Ngọc Chúc	31,811	8,472	26.63%	23,339	318
92	Xã Hòa Hưng	31,527	8,379	26.58%	23,148	-238
93	Xã Ô Lâm	28,365	7,466	26.32%	20,899	433
94	Xã Giang Thành	15,590	4,095	26.27%	11,495	-8
95	Xã Khánh Bình	33,753	8,600	25.48%	25,153	20
96	Phường Vĩnh Tế	32,140	8,025	24.97%	24,115	31
97	Xã Tri Tôn	39,620	9,799	24.73%	29,821	110
98	Xã Gò Quao	36,726	8,977	24.44%	27,749	133
99	Xã Định Mỹ	35,062	8,347	23.81%	26,715	19
100	Xã Cô Tô	25,237	6,006	23.80%	19,231	30
101	Xã Hòa Thuận	26,253	6,228	23.72%	20,025	17
102	Xã Vĩnh Hòa Hưng	31,120	6,404	20.58%	24,716	156
	Tổng cộng	4,003,523	1,347,156	33.65%	2,656,367	22,933